ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG PHƯỚC**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG PHƯỚC**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ**  **hội đồng** | **Chữ ký** |
| 1 | Bà Bùi Thị Cẩm Mộng | Hiệu trưởng | Chủ tịch |  |
| 2 | Bà Võ Thị Hạnh Toàn | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |  |
| 3 | Bà Trần Thị Diệu Hiền | Thư ký hội đồng | Thư ký |  |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Thành | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên |  |
| 5 | Bà Bùi Thị Bích Liên | Bí thư Chi đoàn | Ủy viên |  |
| 6 | Ông Cao Quốc Danh | Tổng phụ trách Đội | Ủy viên |  |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh | Tổ trưởng khối 1 | Ủy viên |  |
| 8 | Bà Nguyễn Thu Thủy | Tổ trưởng khối 2 | Ủy viên |  |
| 9 | Bà Phan Thị Thu Hương | Tổ trưởng khối 3 | Ủy viên |  |
| 10 | Bà Diệc Lệ Huê | Tổ trưởng khối 4 | Ủy viên |  |
| 11 | Bà Nguyễn Thị Thanh Giang | Tổ trưởng khối 5 | Ủy viên |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-NĂM 2020

# **MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 1 |
| Tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 6 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 12 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 12 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 21 |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học | 23 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 24 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 26 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 27 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 29 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 30 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 32 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 33 |
| Mở đầu | 33 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 33 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 35 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 37 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 39 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 40 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học** | 41 |
| Mở đầu | 41 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập | 41 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học | 43 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị | 44 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 46 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 47 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 49 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 51 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 51 |
| Mở đầu | 51 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 51 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 54 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 56 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** | 56 |
| Mở đầu | 56 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường | 57 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 58 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác | 61 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học | 62 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục | 64 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 65 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 66 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** |  |

# **Tổng hợp kết quả tự đánh giá**

1. **Kết quả tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | - |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | **-** |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | - |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | - |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | - | - |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | - |

1. **Kết luận: Trường đạt Mức 1**

# **Phần I**

# **CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Long Phước

Tên trước đây: Trường PTCS Long Phước

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 9

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Bùi Thị Cẩm Mộng |
| Quận | 9 |  | Điện thoại | (028)22533820 |
| Phường | Long Phước |  | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | https://thlongphuoc.  hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường | 13/9/2000 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | Có |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 1 | 4 | 4 | 6 | 6 | 5 |
| Khối lớp 2 | 4 | 4 | 4 | 6 | 6 |
| Khối lớp 3 | 4 | 4 | 4 | 5 | 6 |
| Khối lớp 4 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| Khối lớp 5 | 4 | 4 | 4 | 4 | 5 |
| **Cộng** | **20** | **20** | **22** | **26** | **27** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 |  |
| 1 | Phòng học | 30 | 30 | 30 | 30 | 30 |  |
| a | Phòng kiên cố | 30 | 30 | 30 | 30 | 30 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **48** | **48** | **48** | **48** | **48** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Giáo viên | 40 | 33 | 1 | 4 | 36 | 0 |  |
| Nhân viên | 10 | 7 | 0 | 6 | 4 | 0 |  |
| **Cộng** | **52** | **42** | **1** | **10** | **42** | **0** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 27 | 27 | 29 | 35 | 36 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 27/20  1.4 | 27/20  1.4 | 29/22  1.3 | 35/26  1.3 | 36/27  1.3 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/ học sinh | 27/762  0.03 | 27/799  0.03 | 29/860  0.03 | 35/969  0.03 | 36/1006  0.03 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương (trở lên) | 1 | 0 | 2 | 1 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 762 | 799 | 860 | 969 | 1006 |  |
| *-Nữ* | 376 | 391 | 421 | 463 | 484 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 8 | 10 | 11 | 13 | 18 |  |
| *Khối lớp 1* | 165 | 164 | 217 | 243 | 220 |  |
| *Khối lớp 2* | 152 | 180 | 162 | 212 | 230 |  |
| *Khối lớp 3* | 148 | 157 | 175 | 165 | 203 |  |
| *Khối lớp 4* | 146 | 150 | 159 | 182 | 167 |  |
| *Khối lớp 5* | 151 | 148 | 147 | 167 | 186 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 165 | 156 | 215 | 231 | 207 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 762 | 799 | 860 | 969 | 1006 |  |
| 4 | Bán trú | 125 | 162 | 137 | 158 | 161 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/ lớp học | 38.1 | 39.9 | 39.0 | 37.2 | 37.2 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 717/762 94.1% | 754/799  94.4% | 811/860  94.3% | 916/96994. 5% | 950/1006  94.4% |  |
| *-Nữ* | 354 | 327 | 400 | 439 | 483 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 7 | 10 | 11 | 7 | 9 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *-Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 |  |
| 12 | Tổng số học sinh khuyết tật | 3 | 3 | 2 | 1 | 1 |  |
| 13 | Tổng số học sinh lưu ban | 12 | 11 | 15 | 16 | 14 |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 165/165  100% | 152/156  97.4% | 208/215  96.7% | 224/231  96.9% | 211/217  97.2% |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 750/762  98.4 | 788/799  98.6 | 845/860  98.3 | 953/969  98.3 | 992/1006  98.6 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 135/135  100% | 139/139  100% | 136/136  100% | 159/159  100% | 172/172  100% |  |
| Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 16/16  100% | 9/9  100% | 11/11  100% | 8/8  100% | 14/14  100% |  |

# **Phần II**

# **TỰ ĐÁNH GIÁ**

## **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Long Phước được thành lập theo Quyết định số 996/QĐ-UB-TCCQ ngày 13 tháng 9 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Quận 9. Trường tọa lạc tại đường 6, khu phố Long Thuận, phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được xây mới và đưa vào sử dụng từ năm học 2011-2012. Tổng diện tích khuôn viên trường là 10.414m2, trong đó diện tích xây dựng 2.566m2 với quy mô 30 phòng học và các phòng chức năng, diện tích cây xanh 2.963m2, diện tích sân sinh hoạt 2.434m2, diện tích sân bãi giao thông 2.450m2. Ngoài ra, còn có các công trình phụ khác.

Hàng năm, nhà trường đều nhận được sự quan tâm sâu sát của các cấp lãnh đạo, sự hỗ trợ của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, chi hội phụ huynh các lớp, các mạnh thường quân trong việc trang bị, sửa chữa, hoàn thiện cơ sở vật chất, khuôn viên nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp hơn.

Là trường thuộc vùng sâu, vùng xa nhất của Quận 9 nhưng từ năm học 2015-2016 đến nay, nhà trường đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động tiên tiến 5 năm liên tục, duy trì thành tích với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ sư phạm nhà trường, cố gắng vượt qua mọi khó khăn, phát huy sức mạnh của tập thể, đoàn kết, quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển, nâng cao hiệu quả giáo dục.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm, năng động và sáng tạo. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức, nhà trường còn chú trọng rèn kỹ năng sống và phát triển năng khiếu cho học sinh. Đội ngũ giáo viên tích cực học hỏi, tìm tòi và vận dụng phương pháp mới, tổ chức nhiều hình thức dạy học phong phú, phát huy tính tích cực của học sinh. Lực lượng nhân viên, bảo mẫu nhiệt tình, trách nhiệm, đảm bảo môi trường an toàn cho học sinh. Học sinh tự tin, có kỹ năng ứng xử trong cuộc sống, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực hành khá tốt.

Mục tiêu của nhà trường hướng tới là tạo mọi điều kiện tốt nhất để học sinh học tập và sinh hoạt, phát huy năng lực, phát triển năng khiếu và rèn luyện về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống, giúp các em trở thành nguồn nhân lực trong tương lai.

Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Long Phước tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo quy định.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của công tác tự đánh giá là giúp nhà trường kiểm tra, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường để đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục; thông báo công khai với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường và đề nghị cơ quan chức năng công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 73/QĐ-THLP, ngày 7 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Long Phước gồm có 11 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai đầy đủ các thông tư, công văn liên quan công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường, yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ trong 16 tuần như sau: **Tuần 1 (6/7/2020-12/7/2020):** - Họp hội đồng trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của hội đồng tự đánh giá. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá. - Họp hội đồng tự đánh giá: + Công bố quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá. + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân. + Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá. - Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan. **Tuần 2 (13/7/2020-19/7/2020):** - Tổ chức hội nghị về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan. - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá. - Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. **Tuần 3-5 (20/7/2020-9/8/2020):** - Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. - Lập bảng danh mục mã minh chứng. - Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

**Tuần 6, 7 (10/8/2020-23/8/2020):** - Các nhóm chuyên trách, cá nhân tiếp tục viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

**Tuần 8, 9 (24/8/2020-6/9/2020):** - Họp hội đồng tự đánh giá: + Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá. + Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với hội đồng tự đánh giá. + Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí, chú trọng đến kế hoạch cải tiến chất lượng. + Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. - Dự thảo báo cáo tự đánh giá. **Tuần 10 (7/9/2020-13/9/2020):** - Họp hội đồng tự đánh giá để: + Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan. + Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá. **Tuần 11, 12 (14/9/2020-27/9/2020):** - Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung. - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường. - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp. - Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng. **Tuần 13, 14 (28/9/2020-11/10/2020):** - Các thành viên của hội đồng tự đánh giá kí tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; hiệu trưởng kí tên, đóng dấu và ban hành. - Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn trình Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9. - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường. - Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định. **Tuần 15, 16 (12/10/2020-25/10/2020):** - Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. - Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc đăng kí đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Tiểu học Long Phước có cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường được thành lập đúng thành phần. Nhà trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Bộ máy tổ chức của nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả. Kế hoạch chiến lược phát triển được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo quy định, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, hiệu quả, đóng góp tích cực trong các hoạt động chung của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Long Phước đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 5 năm từ năm 2016 đến năm 2021. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng trên các căn cứ: Mục tiêu của Giáo dục tiểu học nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở; nội dung định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận 9, Nghị quyết Đảng bộ phường Long Phước và quan trọng nhất là căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. Trong chiến lược phát triển có nội dung xây dựng và phát triển đội ngũ, đổi mới giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; nội dung phát triển quy mô trường lớp, hoàn thiện cơ sở vật chất, duy trì sĩ số, đáp ứng mục tiêu định hướng phù hợp với các nguồn lực về nhân sự và cơ sở vật chất, quy mô trường lớp hiện có của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2021 là kế hoạch số 64/KH-THLP ngày 30/11/2016, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 phê duyệt vào ngày 9 tháng 12 năm 2016 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2021 được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và trên Website của nhà trường <https://thlong>phuoc.hcm.edu.vn [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trong kế hoạch từng năm họcvà kế hoạchkiểm tra nội bộ của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-03].

Mức 3:

Từ năm 2016, nhà trường đã định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường vào đầu năm, giữa năm và cuối năm học thông qua các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học, báo cáo sơ kết cuối học kì I và báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Nhà trường thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng thông qua việc đóng góp xây dựng nội dung kế hoạch giáo dục hàng năm. Tuy nhiên, sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh và cộng đồng chưa nhiều về các giải pháp giáo dục toàn diện cho học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2021 được xây dựng phù hợp và được công bố công khai, rộng rãi.

**3. Điểm yếu**

Sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể trong và ngoài nhà trường về các giải pháp giáo dục toàn diện trong chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục bổ sung các biện pháp giám sát, tổ chức thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2021.

Từ tháng 01 năm 2021 đến cuối năm học, hiệu trưởng phối hợp với các tổ chức, đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, Ban đại diện Cha mẹ học sinh và các tổ chức, đoàn thể địa phương đóng góp cho nội dung kế hoạch chiến lược bằng cách thông qua các hình thức: Tổ chức các cuộc họp, mạn đàm, thảo luận hay gặp gỡ trao đổi ý kiến.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 45/QĐ-GDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9. Hội đồng trường gồm có 11 thành viên. Thành viên của hội đồng trường gồm đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng [H1-1.2-01].

Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua- Khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng xét Sáng kiến [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường tham gia quyết nghị về kế hoạch phát triển nhà trường, đóng góp xây dựng quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường hàng năm; tham gia giám sát các hoạt động nhà trường, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, việc thực hiện các quyết nghị hội đồng trường trong các năm học theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường tiểu học, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Trong các buổi họp, các thành viên của hội đồng trường và các hội đồng khác đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm những việc đã làm; đồng thời, thảo luận, bàn bạc và thông qua các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ để thực hiện. Ý kiến của các thành viên đã có những đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số thành viên chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng những giải pháp trong các hoạt động của nhà trường. Các nội dung có liên quan đều được đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thông qua, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa chất lượng giáo dục chung của trường được nâng cao [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng những giải pháp thực hiện các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Còn mộ số thành viên của các hội đồng chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng kiện toàn nhân sự đồng thời lãnh đạo các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định và định kỳ rà soát, đánh giá các hoạt động.

Trong các buổi họp, chủ tịch hội đồng hướng dẫn các thành viên phát biểu, tạo không khí dân chủ trong các cuộc họp, khuyến khích 100% thành viên mạnh dạn phát biểu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tổ chức Công đoàn của trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Công đoàn với 46 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động Quận 9, Ban Chấp hành Công đoàn gồm có 5 thành viên[H1-1.3-01].

Chi đoàn sinh hoạt theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 13 đoàn viên, trong đó có 2 đảng viên, trực thuộc Đoàn phường Long Phước, Quận 9. Ban Chấp hành Chi đoàn gồm có 3 thành viên[H1-1.3-02].

Liên đội trường có 11 chi,370 đội viên.Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh có 17 sao,bao gồm 642 em nhi đồng[H1-1.3-03].

Ban Chấp hành Chi hội Khuyến học trường gồm 07 thành viên, trong đó có 1 chủ tịch và 1 phó chủ tịch [H1-1.3-04].

Ban chấp hành Chi hội Chữ thập đỏ trường gồm 9 thành viên, trong đó 1 chủ tịch và 1 phó chủ tịch [H1-1.3-05].

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động đúng quy định: Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường [H1-1.3-06].

Chi đoàn, Liên đội chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ trường để tổ chức mọi hoạt động cho đoàn viên và hướng dẫn Liên đội thực hiện các hoạt động, chương trình của hoạt động Đội. Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Liên đội hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-07]; [H7-1.3-08].

Chi hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học Quận 9, Hội Khuyến học phường Long Phước và Ban Chấp hành Chi hội Khuyến học của trường. Chi hội Chữ thập đỏ trường hoạt động theo kế hoạch, chương trình của Hội Chữ thập đỏ Quận 9 và có chương trình hoạt động của chi hội Chữ thập đỏ của nhà trường [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

c) Hàng năm, các hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường đều được rút kinh nghiệm, đánh giá ưu khuyết điểm, đề ra các giải pháp khắc phục những mặt còn tồn tại để các hoạt động tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Long Phước được thành lập từ tháng 10 năm 2013. Chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường Long Phước, Quận 9. Năm 2014, trường có 2 đảng viên nên phải sinh hoạt ghép với chi bộ khác. Đến nay, năm 2020, chi bộ có 10 đảng viên. Chi bộ có bí thư và phó bí thư[H1-1.3-14].

Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, công tác phát triển đảng viên thực hiện tốt, số lượng mỗi năm phát triển từ 1 đến 2 đồng chí và chi bộ luôn hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra [H1-1.3-15].

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã phát huy được sức mạnh của từng thành viên, làm việc có kế hoạch, nhiệt tình, đạt được nhiều thành tích trong từng năm học, chăm lo giáo dục học sinh, tham gia tích cực các hoạt động của trường, của ngành và có nhiều đóng góp vào thành tích chung của nhà trường [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17]; [H1- 1.3-18]; [H1-1.3-19]; [H1- 1.3-20].

Mức 3:

a) Trong 5 năm, tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ trường đạt Chi bộ “Trong sạch vững mạnh” 3 năm liền gồm các năm 2015, 2016, 2017. Năm 2018, chi bộ được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Năm 2019, chi bộ được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-21].

b) Trong 5 năm học vừa qua, các đoàn thể, tổ chức tham mưu, đề xuất các nội dung và cùng tham gia vào các hoạt động của nhà trường, được lãnh đạo Quận, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phường Long Phước đánh giá cao, tặng nhiều giấy khen [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17]; [H1- 1.3-18]; [H1-1.3-19]; [H17- 1.3-20]; [H1-1.3-21].

Tuy nhiên, việc lưu trữ hồ sơ của các đoàn thể không cẩn thận, thiếu báo cáo tổng kết sau các đợt hoạt động.

**2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; hoạt động hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động.

**3. Điểm yếu**

Việc lưu trữ hồ sơ của các đoàn thể không cẩn thận, thiếu báo cáo tổng kết sau các đợt hoạt động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng kiện toàn nhân sự các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường. Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách Đội,... thể hiện tốt vai trò người đứng đầu, triển khai, phân rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ chức, phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, tiếp tục phát huy tính tích cực, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường.

Ban kiểm tra nội bộ nhà trường thường xuyên kiểm tra hồ sơ sổ sách của các đoàn thể, tổ chức để giúp các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường thực hiện hồ sơ đầy đủ, lưu trữ khoa học hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Long Phước có 1 hiệu trưởng và 1 phó hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 bổ nhiệm đảm bảo số lượng theo đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT Ban hành Điều lệ trường tiểu học và khoản 2, Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Trường có 6 tổ chuyên môn (tổ khối 1, khối 2, khối 3, khối 4, khối 5, tổ Tiếng Anh) và 1 tổ văn phòng. Mỗi tổ đều có tổ trưởng theo Khoản 1 Điều 14 và Khoản 1 Điều 15 trong Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ trường tiểu học như xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện từ 2 chuyên đề trở lên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục như các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng kỹ thuật dạy học mới, kỹ năng ra đề kiểm tra hoặc tập huấn lại cho toàn thể giáo viên trong trường các chuyên đề đã được Sở Giáo dục và Đạo tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 hay cụm chuyên môn triển khai[H1-1.4-05].

b) Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả hoạt động, rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ vào các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ, vào thời điểm cuối học kỳ và cuối năm học để từ đó tiếp tục triển khai những nhiệm vụ tiếp theo. Cán bộ quản lý thay phiên nhau tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ, nắm bắt thông tin để kịp thời định hướng, chỉ đạo các hoạt động của các tổ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những hoạt động hiệu quả như thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; phối hợp với các tổ chức trong nhà trường triển khai thực hiện các phong trào thi đua dạy tốt-học tốt; bồi dưỡng đội ngũ trong tổ; đề xuất, tham mưu cho hiệu trưởng thực hiện các hoạt động giáo dục, góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.4-07].

b) Tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề thiết thực và hiệu quả. Tuy nhiên, một số giáo viên mới vận dụng các chuyên đề vào tiết dạy của mình chưa có kết quả cao do chưa có nhiều kinh nghiệm [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề thiết thực và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới vận dụng các chuyên đề vào tiết dạy của mình chưa có kết quả cao do chưa có nhiều kinh nghiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn phụ trách các tổ luôn theo dõi và giúp đỡ các thành viên trong tổ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Từ năm học 2020-2021, sau 30 ngày tổ chức chuyên đề, phó hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn sẽ tiến hành kiểm tra đánh giá việc vận dụng của giáo viên, ghi nhận và trao đổi trong buổi sinh hoạt tổ hoặc ngay sau khi dự giờ rút kinh nghiệm tiết dạy. Phó hiệu trưởng thực hiện báo cáo việc vận dụng các chuyên đề cho hiệu trưởng bằng văn bản hoặc trao đổi trong cuộc họp giao ban đầu tuần nhằm nâng cao hiệu quả của việc vận dụng các chuyên đề đã được triển khai.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các khối lớp cấp tiểu học (từ khối lớp 1 đến khối lớp 5)[H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học, có lớp trưởng, lớp phó; lớp học được chia thành từng tổ học sinh, có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-02].

c) Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có lớp trưởng, lớp phó do tập thể học sinh bầu luân phiên trong năm học. Mỗi lớp học có một giáo viên dạy nhiều môn làm chủ nhiệm phụ trách giảng dạy [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Trong 5 năm liên tục, từ năm học 2015-2016 đến nay, trường đảm bảo số lớp đúng theo quy định [H1-1.5-03].

b) Tính đến thời điểm hiện tại, sĩ số bình quân 36.1 học sinh/lớp. Lớp cao nhất có 40 học sinh và lớp thấp nhất 31 học sinh [H1-1.5-01].

c) Lớp học được tổ chức linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục như học nhóm, học trong lớp, học ngoài trời, học trong các phòng chức năng nhằm thúc đẩy hoạt động học tập của các em học sinh [H1-1.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Tổng số lớp đảm bảo theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Sĩ số học sinh trong lớp không đảm bảo theo quy định.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 7 năm 2021, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo ngành, quận xin thêm chỉ tiêu biên chế giáo viên để tách lớp, nhằm đảm bảo sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ các hoạt động giáo dục và được lưu giữ đúng quy định tại các phòng làm việc: sổ đăng bộ [H1-1.5-03]; danh sách học sinh theo mẫu M2 [H1-1.5-01]; hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật [H1-1.6-01]; bảng tổng hợp chất lượng giáo dục học sinh [H1-1.6-02]; học bạ học sinh [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-04]; sổ khen thưởng [H1-1.6-05]; phần mềm quản lý tài sản [H1-1.6-06]; sổ quản lý các văn bản, công văn [H1-1.6-07].

b) Bộ phận kế toán thực hiện lập dự toán [H1-1.6-08], [H1-1.6-09]; thực hiện thu chi, báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định [H1-1.6-10]; được công khai tại bảng tin nhà trường, trong các buổi họp hội đồng sư phạm và trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-11], [H1-1.6-12]; thường xuyên tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-06].

Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, được sự thống nhất trong tập thể nhà trường, có cập nhật, bổ sung phù hợp với thực tế [H1-1.6-11];[H1-1.6-13].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính và tài sản được trường thực hiện theo đúng quy định, đúng mục đích nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục tại trường. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tu bổ, mua sắm các trang thiết bị và cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động giáo dục, giải quyết kịp thời những vấn đề cấp thiết về cơ sở vật chất như chống thấm trần lớp học, sửa chữa nhà vệ sinh, ... [H1-1.6-06]; [H1-1.6-14].

Mức 2:

a) Các nhân viên sử dụng thành thạo phần mềm quản lý tài sản [H1-1.6-06]; phần mềm IMAS của kế toán [H1-1.6-14]; phần mềm quản lý hồ sơ nhân sự trực tuyến EPMIS [H1-1.6-15]; phần mềm quản lý nhân sự cán bộ công chức [H1-1.6-16].

b) Từ năm học 2015-2016 đến nay, nhà trường không có trường hợp vi phạm nào xảy ra liên quan đến công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận biên bản của thanh tra, kiểm tra của thanh tra quận và tài chính quận [H1-1.6-17].

Mức 3:

Bộ phận kế toán thực hiện trích lập quỹ hàng năm, tham mưu cho hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn nhằm đầu tư và phát triển hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên, do nguồn quỹ trường còn hạn hẹp nên chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường [H1-1.6-18].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2020, cán bộ quản lý tổ chức thực hiện tốt các hoạt động quản lý hành chính, tài chính và tài sản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các mặt công tác.

Năm học 2020-2021, hiệu trưởng tham mưu với cấp trên xây dựng kế hoạch về nguồn thu hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương nhằm đầu tư dài hạn vào hoạt động giáo dục nhà trường.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ như: bồi dưỡng về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc sử dụng các trang thiết bị hiện đại; tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia các lớp nâng chuẩn; nâng cao trình độ chuyên môn cũng như trình độ lý luận chính trị, góp phần nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhằm nâng dần chất lượng giáo dục chung [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Hiệu trưởng thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý dựa trên năng lực của từng cá nhân và điều kiện thực tế của nhà trường nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.7-04].

c) Trường đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học và các quy định của luật lao động; luật công chức, viên chức; được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã chức danh nghề nghiệp và bậc của từng người trong bảng lương. Nhà trường tạo điều kiện làm việc, động viên, khen thưởng kịp thời, tạo động lực cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường luôn lắng nghe, ghi nhận ý kiến và có các biện pháp định hướng, điều chỉnh, góp ý cụ thể cho các thành viên trong nhà trường [H1-1.6-12]; tạo điều kiện cho từng thành viên trong nhà trường học tập nâng cao trình độ, tay nghề để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân [H1-1.7-02]; thường xuyên tổ chức các chuyên đề trường, chuyên đề tổ [H1-1.4-05]; tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; khuyến khích giáo viên viết sáng kiến [H1-1.2-03]; tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ năng khiếu [H1-1.7-08].

Tuy nhiên, số giáo viên đạt giải phong trào giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp quận còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Số giáo viên tham gia phong trào giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp quận còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ và thực hiện phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng giao cho phó hiệu trưởng thường xuyên dự giờ, kiểm tra giáo viên chuyên đề về công tác chủ nhiệm lớp nhằm giúp giáo viên tự tin hơn để tham gia phong trào giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp quận và đạt kết quả cao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện theo từng tháng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện chung của nhà trường [H1-1.1-04].

Căn cứ kế hoạch của nhà trường, từng tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch của tổ và từng giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học của cá nhân đối với lớp mình phụ trách [H1-1.4-04]; [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong kế hoạch giáo dục hàng năm, quản lý tốt các hoạt động giáo dục, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận trong phiên họp đầu năm. Đồng thời, trường thực hiện đánh giá từng hoạt động qua báo cáo sơ kết học kì I và báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Thông qua kiểm tra nội bộ, nhà trường đã thực hiện đánh giá các hoạt động giáo dục của từng cá nhân, bộ phận và phát hiện những hạn chế còn tồn tại trong kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của từng cá nhân để từ đó rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra[H1-1.1-03].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời trong các buổi họp hội đồng sư phạm, họp hội đồng trường, họp tổ chuyên môn thể hiện trong phần đánh giá năm học trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường và tổ khối [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.6-12]; [H1-1.8-02].

Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa cập nhật nội dung điều chỉnh cụ thể vào trang sau của kế hoạch

Mức 2:

Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, hiệu trưởng triển khai cụ thể trong toàn thể hội đồng, phân công rõ nhiệm vụ cho bộ phận phụ trách, giao cho trưởng các bộ phận kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các thành viên thực hiện [H1-1.1-03]; [H1-1.6-12].

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá, khen thưởng: Tập thể Lao động tiên tiến 05 năm liền, kể từ năm 2015-2016 [H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 đánh giá đạt hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa cập nhật nội dung cụ thể vào trang sau của kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch, có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động của nhà trường một cách kịp thời.

Hiệu trưởng tổ chức họp hội đồng trường và họp hội đồng sư phạm vào cuối học kỳ và cuối năm học để rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung cụ thể vào trang sau của kế hoạch giáo dục hàng năm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, bộ quy tắc ứng xử, nội quy cơ quan, nội dung thi đua, dự toán tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ,… đều được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cá nhân, theo tổ trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc các buổi họp định kỳ. Tuy nhiên, số lượng ý kiến chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường chủ yếu chỉ tập trung vào chế độ khen thưởng [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12];[H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

b) Nhà trường giải quyết những kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định như ghi nhận ý kiến về chế độ khen thưởng, tham quan nghỉ dưỡng, tiếp nhận phản ánh của phụ huynh về giáo viên vi phạm nhân cách học sinh, xử lý những trường hợp học sinh chưa ngoan. Hiệu trưởng tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển giao cho người phụ trách có trách nhiệm xử lý và thông báo kết quả cho đương sự, báo cáo về lãnh đạo trong những trường hợp thuộc lĩnh vực Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý. Do đó, nhà trường không có trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra [H1-1.9-04].

c) Định kỳ hàng năm, nhà trường báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ trong hội nghị cán bộ công chức, viên chức và gửi văn bản báo cáo về Liên đoàn Lao động Quận 9, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 [H1-1.9-02].

Mức 2:

Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường có Ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình và thực hiện giám sát việc thực hiện các quy chế, các nhiệm vụ, hoạt động trong nhà trường, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả các biện pháp giám sát, chương trình hoạt động, nội dung quy chế đều được công khai, đưa ra thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các kiến nghị, phản ánh được nhà trường giải quyết theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định.

**3. Điểm yếu**

Số lượng ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Trong các cuộc họp, cán bộ quản lý phối hợp với các bộ phận tạo điều kiện, khuyến khích, có nội dung định hướng, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến tập trung nhiều vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường như trực tiếp lắng nghe, tiếp nhận các văn bản đóng góp ý kiến.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07].

Nhà trường hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phương Anh Vĩnh Long, có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cung cấp suất ăn công nghiệp cho học [H1-1.10-08].

b) Để tiếp nhận thông tin phản ánh của phụ huynh, nhà trường đã công khai số điện thoại của trường, của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, các lực lượng chức năng xung quanh nhà trường trên bảng tin ngoài cổng trường. Ngoài ra, giáo viên chủ nhiệm các lớp còn tạo group Zalo để phụ huynh trực tiếp liên lạc với nhà trường, với giáo viên. Từ đó, nhà trường kịp thời xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynhvà người dân nhằm đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10].

Nhà trường bố trí tổ bảo vệ trực 24/24 (mỗi ca 2 người), gắn camera an ninh tại cổng để quan sát tình hình an ninh, trật tự trước cổng trường [H1-1.10-11].

Trường đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp giấy chứng nhận an toàn trường học [H1-1.10-12].

c) Nhà trường thường xuyên giáo dục đạo đức cho học sinh; tuyên truyền chống hiện tượng kỳ thị, phân biệt đối xử trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nên trong trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra [H1-1.10-13]; [H1-1.10-14].

Mức 2:

a) Các phương án, kế hoạch về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường đã được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong các buổi tập huấn hay họp hội đồng sư phạm, các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Tuy nhiên, việc tổ chức tập huấn việc thực hành kỹ năng cho học sinh về phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai chưa thường xuyên [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.6-12].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập nắm bắt thông tin từ phụ huynh, học sinh; đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả thông qua việc nhắc nhở, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch, phương án nhằm đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức tập huấn rèn kỹ năng cho học sinh về phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp các cơ quan chức năng địa phương, chỉ đạo tổ bảo vệ, nhân viên, giáo viên có biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Toàn thể thành viên trong nhà trường có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo môi trường an toàn trong suốt thời gian hoạt động.

Tháng 10 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng và tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế phối hợp với trung tâm dạy kỹ năng sống và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn rèn kỹ năng cho học sinh về thực hành phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống đuối nước; phòng chống các thảm họa thiên tai, dịch bệnh và kiểm tra việc thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. Bộ phận chuyên môn chỉ đạo giáo viên giảng dạy tích hợp lồng ghép các nội dung trên trong nội dung bài dạy và tiết kỹ năng sống theo thời khóa biểu của lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường và được đảm bảo các quyền lợi chính đáng. Môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

**Điểm yếu cơ bản:**

Sự tham gia đóng góp ý kiến cha mẹ học sinh và cộng đồng về các giải pháp giáo dục toàn diện trong chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn chế.

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/10 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 7/10 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 3/10 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3 là: 0/4 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3 là: 4/4 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**:

Cán bộ quản lý trong nhà trường có đủ năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhiệt tình và năng động trong công tác quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên được phân công phù hợp với trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Số lượng học sinh đảm bảo về tuổi đi học, đều đ­ược bảo vệ, chăm sóc và đối xử bình đẳng, học sinh chăm ngoan, thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của người học sinh.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 2 cán bộ quản lý đều đạt chuẩn trình độ theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Điều lệ trường tiểu học (cả 2 đều có bằng cử nhân tiểu học). Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 23 năm và phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 15 năm [H1-1.6-04].

b) Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT. Mức đánh giá như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Xếp loại | |
| Bùi Thị Cẩm Mộng  Hiệu trưởng | Võ Thị Hạnh Toàn  Phó hiệu trưởng |
| 2015-2016 | Xuất sắc | Xuất sắc |
| 2016-2017 | Khá | Xuất sắc |
| 2017-2018 | Khá | Khá |

Năm học 2018-2019, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá mức đạt theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá mức tốt [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng hoàn thành chương trình cán bộ quản lý giáo dục tiểu học, chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam-Singapore, phó hiệu trưởng tốt nghiệp lớp cử nhân quản lý giáo dục. Cả hai đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý do các cấp tổ chức. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa có bằng quản lý nhà nước [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Từ năm học 2015-2016 đến năm 2019-2020, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có 4 năm được đánh giá ở mức khá trở lên [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ và đạt kết quả khá, giỏi trong các lớp bồi dưỡng chính trị hè hàng năm. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có năng lực quản lý vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm thể hiện qua các phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng hàng năm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng đạt xuất sắc 2 năm và đạt khá 2 năm theo Thông tư số14/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn đào tạo đạt chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được tập thể giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh tín nhiệm.

**3. Điểm yếu**

Cán bộ quản lý chưa có bằng quản lý nhà nước.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022, cán bộ quản lý cần sắp xếp thời gian tham gia học lớp quản lý nhà nước.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020-2021, trường hiện có 40 giáo viên/28 lớp bao gồm: 29 giáo viên nhiều môn; 1 giáo viên Mĩ thuật; 7 giáo viên Tiếng Anh; 1 giáo viên Tin học; 2 giáo viên thể dục (Có 1 giáo viên thể dục kiêm nhiệm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và đã tốt nghiệp lớp đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội). Hiện tại, trường còn thiếu giáo viên Âm nhạc và bộ môn này do giáo viên nhiều môn giảng dạy [H1-1.7-04].

b) Hiện tại, 90% giáo viên có trình độ đại học; 7.5% giáo viên có trình độ cao đẳng; 2.5% giáo viên có trình độ trung học [H1-1.6-04].

c) Ở ba năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2007 và hai năm học 2018-2019, 2019-2020 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, tất cả đều đạt từ trung bình trở lên [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên được đào tạo đạt chuẩn là 90%. Hiện còn 3 giáo viên có trình độ cao đẳng và 1 giáo viên có trình độ trung học đang thi đầu vào để học nâng chuẩn lên đại học [H1-1.6-04].

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chỉ có năm học 2015-2016, có 3 giáo viên đạt trung bình, còn tất cả các năm còn lại đều đạt từ khá trở lên [H2-2.2-01]. Tuy nhiên, số giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học đạt mức tốt chưa cao.

c) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.9-04].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên được đào tạo đạt chuẩn 90%; 10% còn lại có bằng cao đẳng và trung học đang cố gắng thi đầu vào để được học nâng chuẩn [H1-1.6-04].

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đa số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Bốn năm gần đây, không có giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học đạt loại trung bình. Tất cả đều đạt khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Hiện tại, trường không có giáo viên Âm nhạc.

Còn 4 giáo viên chưa có bằng đại học cần phải học nâng chuẩn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu năm học, hiệu trưởng phân công cho giáo viên nhiều môn dạy môn Âm nhạc của lớp mình. Đồng thời tìm giáo viên Âm nhạc để kí hợp đồng giảng dạy trong năm học 2020-2021.

Trong năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tạo điều kiện cho 4 giáo viên theo học nâng chuẩn theo quy định.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và nghiệp vụ;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 10 nhân viên, đủ số lượng, chức danh theo Thông tư số 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, được hiệu trưởng phân công công việc cụ thể hàng năm, bao gồm: 1 kế toán, 1 văn thư kiêm thủ quỹ, 1 nhân viên y tế, 1 thư viện kiêm thiết bị, 3 bảo vệ, 3 phục vụ [H1-1.7-04];[H2-2.3-01].

b) Các nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp với vị trí việc làm, phù hợp với trình độ đào tạo [H1-1.6-04]; [H2-2.3-01].

c) Các nhân viên đều trẻ, nhiệt tình, năng động, có chuyên môn vững, có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Trường có 10 nhân viên được phân công đảm bảo theo đề án vị trí việc làm, trong đó có 3 nhân viên thuộc diện biên chế, 3 nhân viên hợp đồng 68, 4 nhân viên hợp đồng trường nên việc thực hiện các chế độ chính sách cho nhân viên còn gặp nhiều khó khăn [H2-2.3-01]; [H2-2.3-03].

b) Trường không có nhân viên bị kỷ luật trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.9-04].

Mức 3:

a) Các nhân viên đã có đủ bằng cấp đáp ứng được với vị trí việc làm: Nhân viên thư viện đã có bằng cử nhân; nhân viên kế toán, văn thư, y tế có trình độ trung cấp. Nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.6-04]; [H2-2.3-01].

b) Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do quận tổ chức như bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán tài chính, công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý, ...[H2-2.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhân viên của trường có tinh thần trách nhiệm cao, được đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu công việc được giao.

**3. Điểm yếu**

7/10 nhân viên chưa được tuyển vào biên chế, chỉ là hợp đồng nên việc đảm bảo các chế độ chính sách cho nhân viên còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 01 năm 2021, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng thêm nhân viên để đảm bảo các chế độ và tạo điều kiện cho họ tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trong năm học 2020-2021 và những năm sau.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đúng địa bàn, đảm bảo thời gian, huy động 100% trẻ từ 6 tuổi đến 14 tuổi ra lớp, kể cả trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật hòa nhập. Nhà trường có sổ đăng bộ theo dõi về tuổi học sinh trong suốt 5 năm học [H1-1.5-03]; [H2-2.4-01].

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh học tập nội quy, qui định về nhiệm vụ của người học sinh. Mặt khác, giáo viên chủ nhiệm điều tra nắm chắc các thông tin từng học sinh của lớp mình để có kế hoạch, biện pháp cụ thể và phối kết hợp với cha mẹ các em cùng giáo dục cho phù hợp. Vì thế, các em đều thực hiện nhiệm vụ đầy đủ và có kết quả cao trong hoạt động học tập, biết lễ phép với người lớn tuổi, yêu thương bạn bè, biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và tham gia các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp, tham gia bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống nhà trường. 100% học sinh của trường đều đạt về năng lực, phẩm chất [H1-1.1-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-03].

c) Tất cả học sinh trong trường đều được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng, được tạo mọi điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất để học tập và rèn luyện. Học sinh được tham gia đầy đủ các hoạt động nhằm phát triển một cách toàn diện. Những học sinh hòa nhập luôn được nhà trường quan tâm, không để các em bên lề lớp học. Đặc biệt hằng năm, nhà trường phối hợp với địa phương, điều tra lập danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề nghị các tổ chức: Ban đại diện Cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ, …tặng quà, trao học bổng để hỗ trợ, giảm bớt khó khăn và động viên các em vượt khó, học tốt [H1-1.6-01]; [H1-1.7-08]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, từ đó nhà trường áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm giúp các em phân biệt hành vi nào nên làm, hành vi nào không nên làm để từ đó giúp học sinh có những phẩm chất tốt đẹp cần đạt[H1-1.5-02]; [H2-2.4-03].

Mức 3:

Công tác nêu gương, khen thưởng học sinh có thành tích tốt trong học tập cũng như phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, nét vẽ xanh, ... được nhà trường quan tâm, thực hiện kịp thời nhằm tạo động lực cho các học sinh khác phấn đấu noi theo. Sự cố gắng của các em làm cho hoạt động của lớp, của trường ngày một đi lên, các em đã tạo nên nhiều thành tích cho nhà trường. Tuy nhiên, một số học sinh chưa được sự quan tâm của gia đình nên chưa tích cực trong học tập và tham gia các phong trào do nhà trường tổ chức [H1-1.1-05]; [H1-1.5-02]; [H2-2.4-03].

**2. Điểm mạnh**

100% học sinh của nhà trường đều học đúng độ tuổi; các em học sinh thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo tốt các quyền lợi của học sinh tiểu học; được chăm sóc, bảo vệ và đối xử bình đẳng, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất an toàn để học tập và rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Một số học sinh chưa được sự quan tâm của gia đình nên chưa tích cực trong học tập và tham gia các phong trào do nhà trường tổ chức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 7 năm 2021, hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo có kế hoạch huy động tất cả học sinh đến trường vào năm học mới để đảm bảo tất cả học sinh học tại trường đều học đúng độ tuổi. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phối hợp nâng cao chất lượng giáo dục. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, tổng phụ trách Đội thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường để các em được trải nghiệm; bộ phận y tế thường xuyên theo dõi chăm sóc sức khỏe học đường cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp với gia đình giáo dục học sinh tích cực hơn trong học tập và tham gia các phong trào của trường, của lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Điểm mạnh nổi bật:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trình độ chuyên môn đúng chuẩn và tỷ lệ trên chuẩn cao, có tinh thần trách nhiệm và đạt hiệu quả cao trong công việc được giao.

Điểm yếu cơ bản:

Số giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học đạt mức tốt chưa cao vì trình độ giao tiếp bằng tiếng Anh còn hạn chế.

7/10 nhân viên nhà trường không phải là biên chế nên việc đảm bảo các chế độ còn gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 4/4 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/4 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 3/4 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 1/4 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3 là: 0/4 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3 là: 4/4 tiêu chí.

***Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học***

**Mở đầu**:

Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng được nhu cầu tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập. Trường có khuôn viên riêng biệt, rộng rãi, có tường bao quanh đảm bảo an ninh, nhiều cây xanh. Lớp học đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế đúng quy cách. Khối phòng phục vụ học tập và hành chính quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị để phục vụ tốt cho việc dạy và học. Công trình vệ sinh đủ đáp ứng phục vụ cho giáo viên và học sinh.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, bãi tập.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Long Phước có khuôn viên sân trường rộng rãi với hệ thống cây xanh, cây bóng mát và bồn hoa cây cảnh. Cảnh quan nhà trường luôn xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Cổng trường được xây dựng kiên cố, to cao, rộng với 2 phần: cổng lớn dành cho ô tô, xe máy; cổng nhỏ dành cho người đi bộ. Biển tên trường phía trước, ghi đầy đủ thông tin, đảm bảo tính thẩm mỹ. Biển trường được trình bày đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Khuôn viên trường có tường bao quanh trường [H3-3.1-01].

c) Trường có sân chơi rộng rãi thoáng mát, sân tập thể dục thể thao cho học sinh [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Trường có khuôn viên với tổng diện tích là 10.414m2. Số học sinh ở thời điểm thực hiện báo cáo là 1.010 học sinh. Diện tích khuôn viên đạt trung bình 10.3m2/1 học sinh, đảm bảo yêu cầu về diện tích trung bình theo quy định tối thiểu của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Sân chơi, sân tập chia theo khu vực, đảm bảo đủ chỗ an toàn, sạch sẽ cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả. Nhà trường có tổ chức các câu lạc bộ bóng đá, võ Vovinam, erobic, mĩ thuật, ... cho học sinh. Học sinh luyện tập thể dục thể thao, tham gia hội thi tích cực và đạt được nhiều giải về thi đấu thể thao cấp quận [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, được lát gạch sạch sẽ, an toàn, được chia theo khu vực, trang bị khung thành bóng đá, sân bóng bàn, cầu lông, ... để các em chơi trong giờ nghỉ. Tuy nhiên, một khoảng sân trường còn nắng do chưa làm mái che lưới lan hết khuôn viên [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường có diện tích rộng, cảnh quan môi trường đẹp, sạch sẽ và thông thoáng.

**3. Điểm yếu**

Một khoảng sân trường còn nắng do chưa làm mái che lưới lan hết khuôn viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp tục tuyên truyền, giáo dục học sinh ý thức giữ gìn trường lớp sạch, đẹp và thường xuyên chăm sóc, trồng thêm cây xanh có độ phủ che mát rộng tạo thêm không gian xanh mát cho trường.

Tháng 9/2021, hiệu trưởng tham mưu, đề nghị Ủy ban nhân dân Quận 9 làm thêm lưới lan để che mát sân trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

Mức 1:

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

*c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ mỗi lớp một phòng học đảm bảo 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Các phòng học kiên cố, có thiết kế xây dựng đúng quy cách. Mỗi phòng học đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát, có bục giảng và được trang trí đúng quy định [H3-3.2-01].

b) Tất cả các phòng học đều có bàn ghế một chỗ ngồi, được thiết kế tăng, giảm theo chiều cao và đảm bảo đủ chỗ ngồi cho học sinh mỗi lớp. Trong mỗi lớp, có bàn ghế cho giáo viên. Mỗi phòng học có 1 bảng lớp chống lóa màu xanh, rộng 1,2m; dài 3,6 m phù hợp với học sinh tiểu học, được treo chính giữa ở mỗi lớp học, màu sắc của bảng có độ tương phản cao với phấn trắng nên chữ viết luôn được rõ ràng, đẹp, đảm bảo an toàn cho học sinh trong giờ học, theo đúng Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế [H3-3.2-01].

c) Mỗi phòng học có hệ thống đèn, quạt phục vụ cho giáo viên và học sinh (08 đèn trần nhà và 2 đèn chống lóa trên bảng, 2 quạt trần). Tuy nhiên, hệ thống đèn còn cao hơn quạt. Tất cả các phòng học đều có trang bị 1 tủ dành cho giáo viên để hồ sơ, đồ dùng dạy học [H3-3.2-01]

Mức 2:

a) Diện tích phòng học 48m2 đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo các hoạt động giáo dục tích cực có thể tổ chức ngay tại lớp học [H3-3.1-02].

b) Mỗi lớp học đều được trang bị tủ đựng thiết bị dạy học, tủ cao 2m, rộng 1,6m, có 6 ngăn, có đủ các thiết bị dạy học như sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo, đồ dùng dạy học của giáo viên [H3-3.2-01].

c) Bàn ghế có kết cấu chắc chắn, có chất liệu gỗ, mặt sơn màu vàng nhạt trang nhã, chân bàn có độ cao từ 0,54m đến 0,65m, độ rộng 0,45m, có thể nâng lên hạ xuống theo chiều cao của học sinh theo đúng Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT và Điều lệ trường tiểu học [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường có các phòng chức năng để dạy các môn riêng biệt như: 1 phòng giáo dục nghệ thuật, 1 phòng ngoại ngữ, 1 phòng tin học. Trường chưa có nhà thể thao đa năng và chưa có phòng để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ phòng học cho học sinh học 2 buổi/ngày, các trang thiết bị đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có nhà thể thao đa năng và phòng để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bảo vệ, ban phụ trách cơ sở vật chất thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng tài sản trong khối phòng học; giáo viên phát huy hiệu quả khối phòng chức năng và tiếp tục giáo dục học sinh có ý thức giữ gìn bảo quản khi sử dụng.

Trong năm 2021, hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo, kêu gọi sự hỗ trợ của mạnh thường quân có kế hoạch xây dựng thêm các phòng chức năng còn thiếu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Chưa có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

Mức 3:

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

a) Trường có 1 phòng giáo dục nghệ thuật; 1 phòng máy tính có kết nối mạng, 1 phòng thiết bị giáo dục phục vụ công tác quản lí thiết bị và phục vụ giảng dạy, đồ dùng dạy học được sắp xếp gọn gàng, khoa học; 1 phòng truyền thống và hoạt động Đội với đầy đủ các thiết bị đảm bảo phục vụ tốt công tác đội [H3-3.3-01];[H3-3.3-02].

b) Khối phòng hành chính-quản trị của trường có đầy đủ các phòng làm việc: có 01 phòng làm việc của hiệu trưởng, 1 phòng làm việc của phó hiệu trưởng, 1 phòng họp hội đồng, 1 phòng giáo viên, 1 phòng y tế học đường, 1 phòng văn thư được trang bị tủ đựng hồ sơ và những dụng cụ cần thiết theo chức năng của mỗi bộ phận, 1 phòng kho nhỏ để cất các dụng cụ cần thiết, đáp ứng các yêu cầu tối thiểu phục vụ cho hoạt động của nhà trường, 1 phòng trực bảo vệ đặt tại cổng trường, 1 phòng hội trường [H3-3.3-01].

c) Khu để xe của trường có diện tích 250m2, đủ chỗ để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường. Nhà để xe được lợp mái tôn và đặt ở vị trí thuận tiện [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị theo quy định. Nhà trường có nhà ăn rộng rãi, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh. Nhà trường tận dụng hội trường vào giờ trưa để làm phòng ngủ cho học sinh dưới sự quản lí của các cô bảo mẫu. Trường có 2 phòng ngủ cho giáo viên [H3-3.3-04].

b) Hồ sơ, tài liệu được cất giữ cẩn thận, sắp xếp gọn gàng, khoa học và hợp lí tại các phòng làm việc. Nhà trường chưa có kho lưu trữ riêng [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính-quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nhà trường, được sắp xếp hợp lý, khoa học [H3-3.3-02]; [H3-3.3-05];[H3-3.3-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo quy định, có đầy đủ các loại máy móc cần thiết và được sử dụng một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dạy học và quản lí các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kho lưu trữ riêng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ sử dụng hết công năng của khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị. Đồng thời tiến hành sắp xếp, cải tạo để có kho lưu trữ hồ sơ riêng biệt trong học kì II năm học 2020-2021.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 10 khu vệ sinh dành cho học sinh, giáo viên, nhân viên nam và nữ riêng biệt: 1 khu dành cho giáo viên, nhân viên; 7 khu dành cho học sinh học 2 buổi/ngày, 2 khu dành cho học sinh tham gia bán trú. Tất cả các khu vực nhà vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thường xuyên quét dọn sạch sẽ, đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước quanh khuôn viên sân trường, có hệ thống nước thủy cục cung cấp đầy đủ nước sạch phục vụ trong sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường hợp đồng với công ty Cổ phần cung cấp nước uống tinh khiết Samin cho học sinh từng lớp và giáo viên, nhân viên [H3-3.4-02];[H3-3.4-03];[H3-3.4-04].

c) Nhà trường có khu vực tập kết rác, được bố trí phía cổng sau, cách xa nhà ăn, khu vực học tập và làm việc. Mỗi khu vực trong trường, căn tin, các dãy phòng học đều được bố trí các thùng đựng rác. Trường hợp đồng với hợp tác xã dân lập Hiệp Phú để thu gom rác mỗi tuần 3 lần, không để rác ứ đọng, gây mùi hôi đảm bảo vệ sinh môi trường[H3-3.4-05];[H3-3.4-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, khu vực riêng cho nam và nữ, vị trí nhà vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, vào giờ ra chơi, nhà vệ sinh còn ướt và có mùi do số lượng học sinh sử dụng nhiều, số lượng các cô phục vụ ít nên chưa kịp xử lý [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, có hệ thống thoát nước xung quanh khuôn viên trường, hệ thống xử lý nước thải. Việc thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03];[H3-3.4-05];[H3-3.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Khu nhà vệ sinh của trường được xây dựng đảm bảo đúng quy định, đủ phục vụ cho giáo viên và học sinh. Hệ thống cấp thoát nước đầy đủ. Việc xử lý rác, xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Vào giờ ra chơi, nhà vệ sinh còn ướt, có mùi do số lượng học sinh sử dụng nhiều, các cô phục vụ ít nên chưa kịp xử lý.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng thường xuyên quán triệt cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường nhắc nhở học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo đảm vệ sinh môi trường an toàn, sạch, đẹp. Bộ phận cơ sở vật chất thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị. Liên đội, chi đoàn, giáo viên, nhân viên thường xuyên nhắc nhở, giáo dục học sinh giữ vệ sinh trong các buổi chào cờ, tiết sinh hoạt lớp và qua đội sao đỏ của nhà trường. Các cô phục vụ túc trực nhà vệ sinh vào giờ chơi để nhắc nhở các em dội rửa sạch sẽ sau khi sử dụng nhà vệ sinh.

Tháng 01 năm 2021, hiệu trưởng xin quận cung cấp thêm biên chế vì nhà trường không có tiền để hợp đồng nhân viên phục vụ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường như: 1 máy photocoppy, 6 máy in, 9 máy vi tính để bàn, 5 máy vi tính xách tay, 3 máy chiếu, 2 bảng tương tác phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy [H1-1.6-06].

b) Thiết bị dạy học phục vụ các lớp đáp ứng đúng, đủ theo thông tư số 15/2009 TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học quy định trong công tác dạy học [H3-3.3-02].

c) Hằng năm, vào cuối năm học, bộ phận thiết bị tiến hành kiểm kê, thanh lý và sửa chữa các thiết bị; có kế hoạch kiểm kê và lên kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học cho năm học mới [H3-3.5-01];[H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính trong trường được kết nối Internet, phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động dạy học có hiệu quả [H3-3.3-06].

b) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho các lớp. Ngoài tranh ảnh, bản đồ, mẫu vật, ...nhà trường còn trang bị thêm 3 máy chiếu, 5 máy tính xách tay, 2 bảng tương tác, 8 catset để dễ dàng, thuận tiện cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy [H3-3.3-02]; [H1-1.6-06]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Nhà trường lên kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học mỗi năm; bộ phận chuyên môn, nhân viên thiết bị lên kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học dành cho giáo viên; kiểm tra việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên thông qua dự giờ trên lớp nhằm để tăng thêm số lượng đồ dùng dạy học tự làm, đưa vào sử dụng trong học tập và giảng dạy nhiều hơn. Tuy nhiên, việc làm đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn mang tính đối phó, đồ dùng chưa mang tính sáng tạo [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Các thiết bị dạy học của trường và thiết bị dạy học tự làm được nhân viên thiết bị quản lý chặt chẽ, ít hư hao [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06]; [H3-3.5-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thường xuyên tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học, đồng thời khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học để bổ sung thêm được nhiều thiết bị dạy học vào mỗi năm học.

**3. Điểm yếu**

Việc làm đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn mang tính đối phó, đồ dùng chưa mang tính sáng tạo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, nhân viên thiết bị tiếp tục quản lý và bố trí sắp xếp thuận lợi cho giáo viên mượn và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả và đề xuất mua sắm thêm khi cần.

Trong năm học 2020-2021, khi kiểm tra đồ dùng dạy học tự làm, cán bộ quản lý cần cần nhắc nhở giáo viên lưu ý đến tiêu chí sáng tạo của đồ dùng để mang lại hiệu quả cao khi sử dụng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường được trang bị sách giáo khoa, sách tham khảo, sách pháp luật, truyện thiếu nhi, báo, tạp chí giáo dục, thế giới trong ta, bản đồ, tranh ảnh, băng đĩa giáo khoa và các sách tham khảo tối thiểu đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và học tập [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Hàng năm, cán bộ thư viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng phù hợp với tình hình thực tế. Thư viện hoạt động thường xuyên vào các ngày trong tuần, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh đến tra cứu, tham khảo và mượn sách khi có nhu cầu [H3-3.6-03].

Thư viện tổ chức giới thiệu sách, triển lãm trưng bày sách mới, tổ chức hội thi kể chuyện theo sách, tổ chức vẽ tranh, viết bài cảm nhận, vẽ bìa sách theo chủ đề, tổ chức học sinh đọc sách tại thư viện, thư viện xanh, thư viện mini tại lớp. Vận động cha mẹ học sinh, học sinh đóng góp sách, truyện. Tuy nhiên, hình thức tổ chức của thư viện chưa phong phú, chưa sáng tạo, chưa hấp dẫn để thu hút học sinh tham gia [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06]; [H3-3.6-07].

c) Cán bộ thư viện thực hiện việc kiểm tra, kiểm kê thư viện hàng năm để từ đó đề xuất việc bổ sung sách, báo, tạp chí,... nhằm phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và học sinh vào mỗi năm học. Trên cơ sở đó, nhà trường tiến hành cân đối kinh phí để thực hiện mua thêm sách báo, tư liệu giảng dạy, học tập cho giáo viên và học sinh [H3-3.6-08]; [H3-3.6-09].

Mức 2:

Năm học 2015-2016 thư viện đạt chuẩn, từ năm 2016-2017 đến năm 2019-2020 thư viện được xếp loại tiên tiến [H3-3.6-10].

Mức 3:

Kể từ năm học 2016-2017 đến nay, thư viện đạt tiên tiến. Thư viện có 2 máy tính kết nối Internet phục vụ việc tra cứu của giáo viên, học sinh và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, số lượng máy tính tại thư viện còn hạn chế [H3-3.6-07]; [H3-3.6-10].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện nhà trường trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên.

**3. Điểm yếu**

Hình thức tổ chức của thư viện chưa phong phú, chưa sáng tạo, chưa hấp dẫn để thu hút học sinh tham gia. Số lượng máy tính tại thư viện còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ thư viện phối hợp với các đoàn thể, giáo viên, nhân viên trong nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức thêm nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn nhằm thu hút học sinh, giáo viên đến với thư viện; trang trí và đầu tư thêm sách, truyện ở các khu thư viện xanh và hướng dẫn học sinh đọc, giữ gìn, bảo quản sách, báo sau khi đọc.

Đầu năm 2021, hiệu trưởng làm tờ trình xin trang bị thêm máy vi tính cho thư viện để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh có điều kiện tra cứu và học hỏi thêm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Điểm mạnh nổi bật:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường được trang bị đầy đủ và có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, trang bị thêm hàng năm.

Điểm yếu cơ bản:

Hình thức tổ chức của thư viện chưa phong phú, chưa sáng tạo, chưa hấp dẫn để thu hút học sinh tham gia.

Số lượng máy tính tại thư viện còn hạn chế.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 6/6 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/6 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 6/6 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 0/6 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3 là: 0/5 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3 là: 5/5 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**:

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với các tổ chức, các lực lượng bên ngoài nhà trường, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác nhằm thực hiện tốt công tác giáo dục học sinh toàn diện. Tổ chức Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường huy động các nguồn lực về vật chất, tinh thần dưới nhiều hình thức từ các nguồn lực hợp pháp để xây dựng trường và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm nâng dần chất lượng giáo dục.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của các cơ quan quản lý cấp trên trong khi thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên thực hiện công tác tham mưu, đề xuất với lãnh đạo; phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể của địa phương trong các hoạt động có liên quan đến nhà trường.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tại thời điểm thực hiện công tác tự đánh giá, nhà trường có Ban đại diện Cha mẹ học sinh của 28 lớp. Trong từng năm học, nhà trường kết hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh tổ chức đại hội đại biểu cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường có 5 thành viên: có 1 trưởng ban, 1 phó ban và 3 ủy viên. Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động đúng theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện Cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, luôn có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đem lại hiệu quả trong các phong trào của trường, lớp [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ và tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả các hoạt động. Đồng thời bổ sung, đề ra những phương hướng hoạt động phù hợp trong từng năm học thông qua báo cáo tổng kết, sơ kết trong những cuộc họp định kì [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường thực hiện kế hoạch, chương trình sinh hoạt định kỳ đối với Ban đại diện, chi hội trưởng các lớp (3 lần/năm học). Nội dung các cuộc họp là tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của trường, lớp; các phương pháp giảng dạy tích cực; biện pháp giáo dục học sinh; giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh; thống nhất kế hoạch; hỗ trợ các hoạt động, nâng cao chất lượng giáo dục cho nhà trường.

Trong các buổi họp định kì, Ban đại diện chi hội lớp và giáo viên chủ nhiệm đều có nội dung sinh hoạt hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh như Luật Giao thông, Luật Bảo hiểm y tế, Quyền trẻ em, An toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, ...Trong các buổi họp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh đến dự chưa đạt 100% do bận công tác, hoàn cảnh gia đình [H2-4.1-01]; [H2-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Cùng xây dựng kế hoạch hoạt động, cùng tham gia các phong trào văn thể mỹ, ngày hội, sinh hoạt ngoại khóa, lễ sơ tổng kết hàng năm; phối hợp hướng dẫn, tuyên truyền thông tư về đánh giá học sinh tiểu học; phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; cùng với ban tuyển sinh của trường, hội đồng giáo dục phường, tổ dân phố vận động trẻ ra lớp vào đầu năm học và chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường, không để có trẻ bỏ học vì lý do kinh tế [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã phối hợp với các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, đồng thời kết hợp với địa phương khi thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho nhà trường [H4-4.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, trong công tác tuyển sinh đầu cấp, tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng và tuyên truyền pháp luật đến cha mẹ học sinh trong toàn trường.

**3. Điểm yếu**

Trong các buổi họp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh đến dự chưa đạt 100% do bận công tác, hoàn cảnh gia đình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các đoàn thể cùng giáo viên triển khai sâu rộng các hoạt động trọng tâm của lớp, trường đến từng cha mẹ học sinh bằng sổ liên lạc điện tử, bằng group Zalo của lớp để phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

Giáo viên có các buổi trao đổi riêng dành cho cha mẹ học sinh không tham gia buổi họp với lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động như huy động học sinh ra lớp, an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông trước cổng trường; tham mưu cho các ban, ngành, đoàn thể địa phương phối hợp vận động tuyên truyền tham gia bảo hiểm y tế, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, giáo dục truyền thống địa phương. Hiệu trưởng thực hiện báo cáo tình hình nhà trường với đảng ủy phường qua các buổi họp giao ban [H4-4.2-01]; [H1-1.1-05].

b) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, cha mẹ học sinh, nhân dân trong địa bàn khu phố qua các buổi họp hội đồng, họp cha mẹ học sinh, sinh hoạt đầu tuần và các buổi tiếp xúc cử tri do phường tổ chức [H1-1.6-12];[H4-4.1-01].

c) Nhà trường tích cực huy động các nguồn lực tự nguyện của các cá nhân và tập thể như Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học, Hội phụ nữ, ...để chăm lo cho học sinh như tặng sách, vở, thẻ bảo hiểm y tế, học bổng, ....[H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc xây dựng chiến lược phát triển nhà trường như tuyển sinh đầu cấp để đảm bảo sĩ số và quy mô trường lớp, phối hợp giáo dục truyền thống lịch sử địa phương, giáo dục pháp luật, ...[H1-1.1-01]; [H4-4.2-01].

b) Trong các năm học, nhà trường đều có kế hoạch rõ ràng, cụ thể để thực hiện có hiệu quả, thiết thực trong các hoạt động tổ chức cho học sinh viếng các địa chỉ đỏ, các khu du tích lịch sử và văn hóa ở địa phương: Bảo tàng chứng tích Chiến tranh Thành phố Hồ Chí Minh, đền Bến Nọc, khu di tích lịch sử và văn hóa Bót Dây Thép, khu di tích lịch sử Vùng bưng Sáu xã, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ phường Long Phước, công viên lịch sử văn hóa dân tộc Đền Hùng, ...[H1-1.7-08]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp. Mặc dù, nhà trường thường xuyên tuyên truyền, vận động nhưng số cha mẹ học sinh, học sinh đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy, xe đạp điện vẫn chưa đạt 100% [H1-1.7-08]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04];[H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương; Chi đoàn, Liên đội phối hợp tốt với các lực lượng ngoài nhà trường (như Đoàn phường Long Phước, Hội Liên hiệp phụ nữ của phường, Công an phường,...) để tuyên truyền giáo dục các em về lịch sử, văn hóa địa phương và các nội dung liên quan đến chủ điểm của từng tháng (tuyên truyền về tác hại của ma túy, phòng chống tai nạn đuối nước, phòng chống xâm hại tình dục, tuyên truyền về Luật trẻ em, phân loại rác thải tại nguồn..). Ngoài ra, Liên đội tích cực tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: chăm sóc Nhà ghi bia phường Long Phước, thăm và tặng quà cho người già neo đơn khu phố Long Thuận, phường Long Phước, ... [H1-1.7-08]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thường xuyên phối hợp với tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

**3. Điểm yếu**

Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy, xe đạp điện của cha mẹ học sinh và học sinh chưa đạt 100%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh.

Hiệu trưởng, các bộ phận, đoàn thể, giáo viên đẩy mạnh việc tuyên truyền đến cha mẹ học sinh và học sinh về tầm quan trọng của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, tổ chức cho cha mẹ học sinh kí cam kết và yêu cầu thực hiện đúng. Tiếp tục mời báo cáo viên về tuyên truyền, tích hợp nội dung giáo dục, lập đội sao đỏ nhắc nhở, tuyên truyền, nhắc nhở qua tin nhắn, sổ liên lạc điện tử trong năm học 2020-2021.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ tích cực trong các hoạt động thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Nhà trường và cấp ủy Đảng, các đoàn thể địa phương có sự gắn bó chặt chẽ trong việc xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh.

**Điểm yếu cơ bản:**

Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy, xe đạp điện của cha mẹ học sinh và học sinh chưa đạt 100%.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 2/2 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/2 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 2/2 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 0/2 tiêu chí

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3 là: 0/2 tiêu chí

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3 là: 2/2 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**:

Nhà trường đã xây dựng, triển khai và thực hiện tốt kế hoạch, nội dung giáo dục trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Nhà trường chấp hành và thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại học sinh theo tinh thần Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT đối với học sinh khối 2, 3, 4, 5 và thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đối với học sinh khối 1. Đồng thời, nhà trường có kế hoạch, biện pháp bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh còn chậm, chưa đạt về năng lực, phẩm chất.

Nhà trường đã phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, các lực lượng giáo dục khác bên ngoài nhà trường cùng tham gia nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm đến việc rèn luyện cho học sinh về giáo dục đạo đức, kỹ năng sống thông qua các tiết dạy, hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục khác.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, nhà trường căn cứ vào kế hoạch giáo dục tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 để xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và các quyđịnh về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01].

b) Các kế hoạch được xây dựng đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, được tập thể sư phạm nhà trường góp ý, bổ sung và chỉnh sửa trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học trước khi ban hành thực hiện [H1-1.6-11]; [H5-5.1-01].

c) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, của trường, của lớp và được hiệu trưởng phê duyệt hàng năm [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9 để xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn, như: kế hoạch năm, kế hoạch tháng. Bộ phận chuyên môn luôn cập nhật, bổ sung kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01].

b) Tất cả các nội dung quan trọng có liên quan như kế hoạch giáo dục, hoạt động chuyên môn, văn bản hướng dẫn, … đều được công khai kịp thời trong các buổi họp và niêm yết tại bản tin ở phòng giáo viên để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên có thể theo dõi và cùng thực hiện. Ngoài ra, những nội dung có liên quan đến công tác giáo dục học sinh cũng được thông tin đến cha mẹ học sinh, cộng đồng biết để cùng nhà trường phối hợp thực hiện thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh, các buổi chào cờ, niêm yết trên bản tin tại sảnh, ngoài cổng trường, trên trang website của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.8-02]; [H2-2.4-03]; [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, ở một số thời điểm, phó hiệu trưởng triển khai những quy định mới về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục đến giáo viên chưa kịp thời.

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân. Nhà trường luôn thông tin kịp thời, công khai những nội dung có liên quan đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh được biết, phối hợp cùng thực hiện.

**3. Điểm yếu**

Tuy nhiên, ở một số thời điểm, phó hiệu trưởng triển khai những quy định mới về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục đến giáo viên chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên văn thư phụ trách trang thông tin điện tử tiếp tục duy trì việc cập nhật thông tin, phổ biến những nội dung mới đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Trong năm học 2020-2021, phó hiệu trưởng cần nghiên cứu kĩ các văn bản về chuyên môn và triển khai đến các bộ phận, giáo viên một cách kịp thời.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học mới như phương pháp Bàn tay nặn bột, kỹ thuật dạy học các mảnh ghép, dạy mỹ thuật bằng phương pháp Đan Mạch, ...; tổ chức hoạt động dạy học tích cực để giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ vận dụng vào tiết dạy; tổ chức viết sáng kiến, các hội thi giáo viên dạy giỏi và giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi hàng năm nhằm giúp giáo viên nâng cao tay nghề. Tổ khối thường xuyên bàn bạc, thống nhất các hoạt động dạy và hình thức tổ chức lớp trong các tiết học, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và quản lý lớp [H1-1.2-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

90% giáo viên thường xuyên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn 10% giáo viên mới ra trường chưa có kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao tay nghề hoặc còn lúng túng khi vận dụng nên hiệu quả giảng dạy chưa cao [H1-1.8-01]; [H5-5.2-03].

c) Giáo viên thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2016 đối với học sinh khối 2, 3, 4, 5 và thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đối với học sinh khối 1 [H1-1.6-02];[H5-5.2-04]; [H5-5.2-05];[H5-5.2-06].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, khả năng nhận thức của học sinh: Chú ý phát triển năng lực của từng cá nhân học sinh như đối với học sinh tiếp thu nhanh hoặc chậm; học sinh có năng khiếu về văn thể mỹ, toán..; tổ chức học nhóm hay làm việc cá nhân theo từng tiết dạy [H1-1.8-01]; [H5-5.2-07].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ. Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên thường xuyên theo dõi kết quả học tập của học sinh. Nhà trường thường xuyên liên lạc, phối hợp với cha mẹ học sinh để kịp thời điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng và phụ đạo học sinh [H1-1.6-02]; [H5-5.2-07];[H5-5.2-08].

Mức 3:

Trên cơ sở kết quả đạt được, bộ phận chuyên môn, tổ khối thực hiện đánh giá những mặt đạt được, những mặt hạn chế còn tồn tại sau khi thực hiện để từ đó đề ra các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh thông qua các buổi họp chuyên môn định kỳ, sơ kết, tổng kết hoạt động chuyên môn [H1-1.4-06]; [H1-1.8-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch chuyên môn trong năm học rõ ràng, cụ thể; tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh tiếp thu chậm nên chất lượng giáo dục của nhà trường đạt mức cao.

**3. Điểm yếu**

Còn 10% giáo viên mới ra trường chưa có kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao tay nghề hoặc còn lúng túng khi vận dụng nên hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn và giáo viên tích cực thực hiện phân tích, đánh giá hiệu quả và tác dụng của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm duy trì và nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường trong năm học 2020-2021.

Trong năm học 2020-2021, phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chuyên môn trong đó chú trọng hơn đến việc thường xuyên giúp đỡ những giáo viên mới ra trường còn ngại đổi mới phương pháp dạy học. Từ đó, giúp giáo viên ngày càng mạnh dạn hơn trong việc đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường tổ chức các chuyên đề, thao giảng, dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm nhằm giúp 100% giáo viên giảng dạy tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp tốt với các đoàn thể và Ban đại diện Cha mẹ học sinh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đầy đủ và thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra [H1-1.7-08]; [H4-4.2-03].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với các nội dung và hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, vui chơi, các hoạt động kỷ niệm trong các lễ hội trong năm; tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giữ vệ sinh ăn uống, luôn giáo dục cho học sinh ý thức tự chăm sóc sức khỏe thông qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt Sao nhi đồng, sinh hoạt Đội và lồng ghép trong các môn học. Ngoài ra, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để học sinh tham gia bảo vệ môi trường như: Thu gom kế hoạch nhỏ, không xả rác, trồng và chăm sóc cây xanh, lao động vườn trường, vệ sinh sân trường, lớp học [H1-1.7-08]; [H3-3.4-06]; [H4-4.2-03].

c) Mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho tất cả học sinh nhằm định hướng cho học sinh cách sống tích cực và phát triển toàn diện trong xã hội hiện đại. Ngoài việc trang bị những kiến thức cơ bản, nhà trường còn tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi. Đảm bảo các hoạt động tổ chức trong nhà trường có 100% học sinh được tham gia. Tuy nhiên, các hoạt động ngoài nhà trường nhiều nhất chỉ có 85% học sinh tham gia [H1-1.7-08]; [H4-4.2-03]; [H5-5.3-01].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục được tổ chức một cách hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H1-1.7-08]; [H4-4.2-03]; [H5-5.3-01].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức thực hiện các câu lạc bộ với nội dung và hình thức tổ chức phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh: Các câu lạc bộ aerobic, võ cổ truyền, võ Vovinam, bóng đá, mĩ thuật [H4-4.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức, nội dung phong phú với sự đầu tư nghiêm túc, chất lượng phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa vận động được cha mẹ học sinh cho tất cả các em tham gia các buổi sinh hoạt ngoại khóa ngoài nhà trường nên chỉ có 85% học sinh tham gia.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, hiệu trưởng phối hợp với các đoàn thể nhà trường, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tiếp tục thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa; tăng cường hoạt động giao lưu, thực hiện công tác xã hội hóa, tích lũy kinh phí để đưa giáo viên và học sinh tham quan, học tập nhằm mở rộng tầm nhìn, nâng cao kỹ năng thích nghi, giao tiếp và rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tích cực vận động phụ huynh cho tất cả học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường để học sinh trải nghiệm, được học những kiến thức bổ ích khác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

Mức 1:

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường cùng giáo viên chuyên trách của phường Long Phước xây dựng kế hoạch tuyển sinh huy động trẻ 6 tuổi ra lớp theo chỉ tiêu phân tuyến của Ban chỉ đạo tuyển sinh Quận 9 và thực hiện hồ sơ phổ cập giáo dục toàn trường để theo dõi chống lưu ban, bỏ học, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp [H2-2.4-01].

b) Nhà trường kết hợp cùng Hội đồng giáo dục phường Long Phước, huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 hằng năm đạt 100% [H2-2.4-01].

c) Nhà trường quản lý tốt các loại hồ sơ, cập nhật số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định [H1-1.5-03]; [H2-2.4-01]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

Tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp 1 hàng năm đạt 100% [H2-2.4-01].

Mức 3:

Tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp 1 hàng năm của trường đạt 100%. Hàng năm, vẫn còn vài em trễ 1 đến 2 tuổi, là dân tạm trú, xin được ra học lớp 1 theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh [H1-1.5-01]; [H2-2.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp có thẩm quyền, địa phương trong việc huy động trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp 1 nên tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi ra lớp 1 của trường luôn đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

Hàng năm, vẫn còn vài em trễ 1 đến 2 tuổi, là dân tạm trú, xin được ra học lớp 1 theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương; làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với quy mô trường lớp đồng thời vận động phụ huynh cho tất cả trẻ 6 tuổi ra lớp để trẻ được học tập phân hóa theo năng lực cá nhân.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

*c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 98% theo đúng kế hoạch đề ra [H1-1.6-02]; [H5-5.4-01].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh toàn trường hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên [H1-1.6-02]; [H5-5.4-01].

b) Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường đạt 100% [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học 5 năm liền đạt trên 98%. Tuy nhiên, học sinh chưa hoàn thành lớp học ở khối lớp 1 và lớp 2 còn nhiều so với các khối khác, đa phần rơi vào các trường hợp học sinh chậm phát triển ngôn ngữ, chậm phát triển trí tuệ nhưng chưa được hội đồng phường thẩm định và phê duyệt [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H5-5.4-01]; [H5-5.5-01].

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường đạt 100% [H1-1.6-02]; [H5-5.4-02].

**2. Điểm mạnh:**

Hàng năm, kết quả xếp loại giáo dục của học sinh vượt chỉ tiêu, tạo được niềm tin cho gia đình và xã hội.

**3. Điểm yếu:**

Học sinh chưa hoàn thành lớp học ở khối lớp 1 và lớp 2 còn nhiều so với các khối khác, đa phần rơi vào các trường hợp học sinh chậm phát triển ngôn ngữ, chậm phát triển trí tuệ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021, phó hiệu trưởng phân công tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh chi tiết hơn nhằm duy trì hiệu quả hoạt động giáo dục của học sinh trong nhà trường.

Hiệu trưởng tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn dạy trẻ chậm phát triển ngôn ngữ, chậm phát triển trí tuệ để có biện pháp dạy học và giáo dục hợp lí trong năm học 2020-2021.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức, nội dung phong phú với sự đầu tư nghiêm túc, chất lượng, phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục học sinh của nhà trường được giữ vững, ổn định qua nhiều năm.

**Điểm yếu cơ bản:**

Số học sinh tham gia sinh hoạt ngoại khóa ngoài nhà trường tối đa chỉ đạt 85%.

Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành lớp học ở khối lớp Một và lớp Hai còn cao, đa phần rơi vào các trường hợp học sinh chậm phát triển ngôn ngữ, chậm phát triển trí tuệ.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 5/5 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 1: 0/5 tiêu chí .

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 5/5 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 2: 0/5 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3 là: 0/4 tiêu chí.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu mức 3 là: 4/4 tiêu chí.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ vào Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Trường Tiểu học Long Phước thực hiện Báo cáo tự đánh giá về 27 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn (riêng mức 3 có 19 tiêu chí) theo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt được kết quả như sau:

- Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 27/27 Tỷ lệ: 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0/27 Tỷ lệ: 0%

- Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 23/27 Tỷ lệ: 85.2%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4/27 Tỷ lệ: 14.8%

- Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 0/19 Tỷ lệ: 0%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 19/19 Tỷ lệ: 100%

- Mức đánh giá của trường: Mức 1.

Trường Tiểu học Long Phước, Quận 9 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Các kết luận khác: Không có

*Quận 9, ngày 25 tháng 10 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Bùi Thị Cẩm Mộng** |

# **Phần IV. PHỤ LỤC**

**DANH MỤC MÃ HÓA MINH CHỨNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú**  **(Nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | Số: 64/KH-THLP ngày ban hành: 30/11/2016 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Cổng thông tin điện tử của nhà trường | Năm 2018 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 3 | [H.1-1.1-03] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ của nhà trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Kế hoạch năm, kế hoạch tháng của nhà trường | -Năm học 2015-2016: Số 29/KH-THLP ngày 28/9/2015  -Năm học 2016-2017: Số 48/KH-THLP ngày 20/10/2016  -Năm học 2017-2018: Số 84/KH-THLP ngày 04/10/2017  -Năm học 2018-2019: Số 58/KH-THLP ngày 12/10/2018  -Năm học 2019-2020: Số 96/KH-THLP ngày 07/10/2019 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | 6 | [H1-1.1-06] | Biên bản góp ý kế hoạch năm học của nhà trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Các tổ chuyên môn | Phòng hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hội đồng trường | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hồ sơ Hội đồng Thi đua-Khen thưởng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hội đồng thi đua, khen thưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ Hội đồng xét Sáng kiến | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hội đồng xét sáng kiến | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn | -Số 44/2015/QĐ- CĐGD ngày 31/12/2015  -Số 66 /2017/QĐ- CĐGD ngày 09 /10/2017  -Số 125/2017/QĐ-CĐGD ngày 26/10/2017 | Công đoàn Giáo dục Quận 9 | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.3-02] | Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi đoàn | -Số 10/QĐ-ĐTN ngày 05/11/2015  -Số 08/QĐ-ĐTN ngày 01/11/2016  -Số 01/QĐ-ĐTN ngày 25/10/2017  -Số 08/QĐ-ĐTN ngày 08/10/2018  -Số 12/QĐ-ĐTN ngày 11/10/2019 | Ban chấp hành Đoàn  Phường Long Phước. | Phòng hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.3-03] | Quyết định công nhận Ban chỉ huy Liên đội | -Số 38-QĐ/HĐĐ ngày 22/11/2015  -Số 130-QĐ/HĐĐ ngày 02/11/2016  -Số 27-QĐ/HĐĐ ngày 20/11/2017  -Số 42-QĐ/HĐĐ ngày 28/10/2018  -Số 27-QĐ/HĐĐ ngày 25/10/2019 | Hội đồng đội Quận 9 | Phòng Đội |
| 4 | [H1-1.3-04] | Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học | Số 18/HKH-LP ngày 15 tháng 9 năm 2015 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.3-05] | Quyết định thành lập Chi hội Chữ thập đỏ | Số 107/QĐ-THLP ngày 11 năm 2017  Số 111/QĐ-THLP ngày 09 tháng 10 năm 2019 | Chi hội Chữ thập đỏ Quận 9 | Phòng y tế |
| 6 | [H1-1.3-06] | Kế hoạch hoạt động của tổ chức Công đoàn | -Số 16/CĐCS ngày 06/10/2014  -Số 07/CĐCS ngày 29/9/2015  -Số 28/CĐCS ngày 01/11/2016  -Số 08/CĐCS ngày 02/10/2017  -Số 54/CĐCS ngày 05/10/2018  -Số 52/CĐCS ngày 02/10/2019 | Công đoàn cơ sở Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.3-07] | Kế hoạch hoạt động của tổ chức Chi đoàn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Chi đoàn Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 8 | [H1-1.3-08] | Kế hoạch hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Liên đội Trường Tiểu học Long Phước | Phòng Đội |
| 9 | [H1-1.3-09] | Hồ sơ Chi hội Khuyến học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 10 | [H1-1.3-10] | Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 11 | [H1-1.3-11] | Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Công đoàn | -Số 32/BC-CĐCS ngày 18/05/2015  -Số 62/BC-CĐCS ngày 24/05/2016  -Số 48/ BC-CĐCS ngày 24/05/2017  -Số 40/ BC-CĐCS ngày 07/08/2018  -Số 48/CB-CĐCS ngày 21/05/2019 | Công đoàn cơ sở Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 12 | [H1-1.3-12] | Báo cáo tổng kết hoạt động của Chi đoàn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Chi đoàn Trường Tiểu Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 13 | [H1-1.3-13] | Báo cáo tổng kết của Liên đội | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Liên đội Trường Tiểu học Long Phước | Phòng Đội |
| 14 | [H1-1.3-14] | Quyết định thành lập Chi bộ; Quyết định chuẩn y chức danh bí thư, phó bí thư Chi bộ | -Quyết định Thành lập Chi Bộ Trường Tiểu học  Số: 113-QĐ/ĐU, ngày 31/3/2014  -Quyết định chuẩn y chức danh bí thư, phó bí thư Chi bộ: Số 39-QĐ/ĐU, ngày 14/3/2020 | Đảng Ủy Phường Long Phước. | Phòng hiệu trưởng |
| 15 | [H1-1.3-15] | Báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Chi bộ | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Chi bộ Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 16 | [H1-1.3-16] | Giấy khen của Công đoàn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Công đoàn ngành Giáo dục Quận 9 và Liên đoàn Lao động Quận 9 | Phòng truyền thống |
| 17 | [H1-1.3-17] | Giấy khen của Chi đoàn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban chấp đoàn phường Long Phước | Phòng truyền thống |
| 18 | [H1-1.3-18] | Giấy khen của Liên đội | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hội đồng Đội Quận 9  Phòng GD&ĐT Quận 9 | Phòng truyền thống |
|  | 19 | [H1-1.3-19] | Giấy khen của Chi hội Khuyến học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ủy ban nhân dân phường Long Phước | Phòng truyền thống |
| 20 | [H1-1.3-20] | Giấy khen của Chi hội Chữ thập đỏ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ủy ban nhân dân phường Long Phước | Phòng truyền thống |
|  | 21 | [H1-1.3-21] | Giấy khen của Chi bộ | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Đảng ủy phường Long Phước | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng | -Số 325/QĐ-UBND ngày 07/10/2013  -Số 97/ QĐ-UBND ngày 26/4/2019 | Ủy ban nhân dân Quận 9 | Phòng văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng | -Số 540/QĐ-UBND ngày 16/8/2011  -Số 491/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 | Ủy ban nhân dân Quận 9 | Phòng văn thư |
| 3 | [H1-1.4-03] | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng văn thư |
| 4 | [H1-1.4-04] | Kế hoạch hoạt động của tổ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổ trưởng chuyên môn các khối và tổ văn phòng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ chuyên đề trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.4-06] | Sổ họp tổ chuyên môn,  tổ văn phòng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.4-07] | Báo cáo tổng kết của các tổ chuyên môn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổ trưởng chuyên môn | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Danh sách học sinh theo mẫu M2 | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ chủ nhiệm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên chủ nhiệm | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.5-03] | Sổ đăng bộ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 4 | [H1-1.5-04] | Hình ảnh học sinh học trong lớp, ngoài trời | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.6-02] | Bảng tổng hợp chất lượng giáo dục học sinh | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.6-03] | Học bạ học sinh | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên chủ nhiệm | Phòng phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên. | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 5 | [H1-1.6-05] | Sổ khen thưởng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.6-06] | Phần mềm quản lý tài sản | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 7 | [H1-1.6-07] | Sổ quản lý các văn bản, công văn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 8 | [H1-1.6-08] | Các quyết định giao dự toán hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ủy ban nhân dân Quận 9 | Phòng tài vụ |
| 9 | [H1-1.6-09] | Danh mục thực hiện dự toán | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 10 | [H1-1.6-10] | Báo cáo quyết toán hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 11 | [H1-1.6-11] | Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 12 | [H1-1.6-12] | Sổ họp hội đồng sư phạm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 13 | [H1-1.6-13] | Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng tài vụ |
| 14 | [H1-1.6-14] | Phần mềm IMAS của kế toán | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 15 | [H1-1.6-15] | Phần mềm quản lý nhân sự EPMIS | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Nhân viên văn thư | Phòng văn thư |
| 16 | [H1-1.6-16] | Phần mềm quản lý nhân sự cán bộ công chức | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 17 | [H1-1.6-17] | Các biên bản, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có thẩm quyền về tài chính, tài sản | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Phòng Tài chính-Kế hoạch Quận 9 | Phòng tài vụ |
| 18 | [H1-1.6-18] | Bảng tổng hợp trích lập quỹ hàng năm | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ Bồi dưỡng thường xuyên | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ cá nhân giáo viên | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên | Phòng phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.7-04] | Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.7-05] | Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 6 | [H1-1.7-06] | Hồ sơ giáo viên dạy giỏi | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.7-07] | Hồ sơ giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 8 | [H1-1.7-08] | Hồ sơ hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ năng khiếu | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch dạy học của giáo viên | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | Sổ họp giao ban chuyên môn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.8-03] | Giấy khen tập thể lao động tiên tiến | -Năm học 2015-2016: Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 19/8/2016;  -Năm học 2016-2017: Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 29/8/2017;  -Năm học 2017-2018: Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 28/8/2018;  -Năm học 2018-2019: Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 12/8/2019;  -Năm học 2019-2020: Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 10/9/2020. | Ủy ban nhân dân Quận 9 | Phòng truyền thống |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Quy chế dân chủ của nhà trường | Số 59/QĐ-THLP ngày 24/10/2014  Số 52/QĐ-THLP ngày 10/11/2015  Số 106/QĐ-THLP ngày 01/10/2016  Số 113/QĐ-THLP ngày 01/11/2017  Số 105/QĐ-THLP ngày 05/12/2018  Số 148/QĐ-THLP ngày 15/11/2019 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.9-02] | Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường | Số 56/BC-THLP ngày 07/10/2014  Số 53/BC-THLP ngày 05/11/2015  Số 53/BC-THLP ngày 02/11/2016  Số 114/BC-THLP ngày 02/11/2017  Số 105/BC-THLP ngày 05/12/2018  Số 145/BC-THLP ngày 15/11/2019 | Công đoàn Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Sổ họp tổ công đoàn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổ công đoàn | Phòng hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.9-04] | Hồ sơ của Ban thanh tra nhân dân | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban thanh tra nhân dân | Phòng hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.9-05] | Các biểu mẫu thống kê công khai của nhà trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ quản lý, nhân viên kế toán, nhân viên văn thư | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ phòng chống tai nạn thương tích | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 4 | [H1-1.10-04] | Hồ sơ phòng chống cháy nổ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hồ sơ phòng chống thiên tai | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hồ sơ phòng chống dịch bệnh | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 7 | [H1-1.10-07] | Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| 8 | [H1-1.10-08] | Hồ sơ hợp đồng suất ăn công nghiệp, căn tin | Số 06/HĐHS/PAVL ngày 07/09/2015  Số 15/HĐHS/PAVL ngày 05/09/2016  Số 03/HĐHS/PAVL ngày 05/09/2017  Số 03 /HĐHS/PAVL ngày 05/09/2018  Số 05 /HĐHS/PAVL ngày 03/09/2019 | Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn | Phòng y tế |
| 9 | [H1-1.10-09] | Bảng tin ngoài cổng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Cổng trường |
| 10 | [H1-1.10-10] | Group Zalo của các lớp | Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên | Các lớp |
| 11 | [H1-1.10-11] | Hồ sơ gắn camera an ninh | Năm 2017 | Kế toán | Phòng tài vụ |
| 12 | [H1-1.10-12] | Giấy chứng nhận an toàn trường học | -Số 250/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 6 năm 2016  -Số 316/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 | Ủy ban nhân dân Quận 9 | Phòng y tế |
| 13 | [H1-1.10-13] | Hình ảnh quyên góp cho người khuyết tật, cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, cho các bạn vùng sâu vùng xa, vùng đồi núi, hải đảo, … | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổng phụ trách Đội | Phòng Đội |
| 14 | [H1-1.10-14] | Hình ảnh chuyên đề bình đẳng giới, tổ chức ngày 20/10, ngày 08/3,… | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nữ công | Phòng hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | -Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9  -Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Kết quả bồi dưỡng chính trị hè | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trung tâm bồi dưỡng chính trị Quận 9 | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Đề án vị trí việc làm | Năm 2019 | Hiệu trưởng | Phòng tài vụ |
| 2 | [H2-2.3-02] | Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.3-03] | Quyết định giao biên chế hàng năm | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 | UBND Quận 9 | Phòng tài vụ |
| 4 | [H2-2.3-04] | Công văn triệu tập tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn của nhân viên (y tế, văn thư, kế toán, thư viện) | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Sở, Quận, Phòng, Phường | Phòng văn thư |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | [H2-2.4-01] | Hồ sơ tuyển sinh đầu cấp | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước. | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.4-02] | Danh sách học sinh nhận quà, học bổng hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước. | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 3 | [H2-2.4-03] | Nội dung chào cờ hàng tuần | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổng phụ trách đội | Phòng Đội |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Các hình ảnh về sân trường, sân bóng bàn, sân cầu lông, cảnh quan khuôn viên nhà trường, cổng trường. | Năm 2020 | Tổng phụ trách đội | Phòng Đội |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường | Năm 2011 | Ban quản lý dự án Quận 9 | Phòng tài vụ |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh học sinh luyện tập bóng đá, cầu lông, võ, erobic | Năm 2020 | Tổng phụ trách đội | Phòng Đội |
| 4 | [H3-3.1-04] | Danh mục trang thiết bị luyện tập thể dục thể thao | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
|  | 5 | [H3-3.1-05] | Hồ sơ hoạt động văn thể mỹ | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trưởng ban văn thể mỹ | Phòng Đội |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh lớp học, có bàn ghế học sinh, đèn quạt, bảng, tủ giáo viên. | Năm 2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng thiết bị |
| 2 | [H3-3.2-02] | Sơ đồ các lớp học, phòng chức năng | Năm 2011 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh các phòng chức năng, phòng làm việc, tủ đựng hồ sơ phòng làm việc | Năm 2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 2 | [H3-3.3-02] | Sổ quản lý thiết bị giáo dục | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 3 | [H3-3.3-03] | Hình ảnh nhà để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường | Năm 2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 4 | [H3-3.3-04] | Hình ảnh nhà ăn, phòng ngủ giáo viên (nam, nữ) | Năm 2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng y tế |
| 5 | [H3-3.3-05] | Hình ảnh phòng thư viện, thiết bị | Năm 2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 6 | [H3-3.3-06] | Hợp đồng dịch vụ Internet | Số 78/HĐDV, ngày 18 tháng 9 năm 2018 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh các khu nhà vệ sinh học sinh, giáo viên | Năm 2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng y tế |
| 2 | [H3-3.4-02] | Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trung tâm y tế dự phòng Quận 9 | Phòng y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt  Hợp đồng nước uống tinh khiết (SAMIN) | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng tài vụ, phòng y tế |
| 4 | [H3-3.4-04] | Chứng từ thanh toán tiền nước hằng tháng | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 5 | [H3-3.4-05] | Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác | Số 67/2018/ HĐ-HTXDL  Số 61/2019/HĐ-HTX  Số 79/2020/HĐ-HTX | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ |
| 6 | [H3-3.4-06] | Hình ảnh chuyên đề phân loại rác, học sinh lao động, thùng rác có phân loại, khu tập kết rác | Năm 2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 2 | [H3-3.5-02] | Kế hoạch mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học hàng năm | Số 68/KH-THLP ngày 15/7/2015  Số 48/KH-THLP ngày 12/10/2016  Số 79/KH-THLP ngày 15/7/2017  Số 68/KH-THLP ngày 1/7/2018  Số 64/KH-THLP ngày 3/8/2019 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 3 | [H3-3.5-03] | Hoá đơn mua sắm, sửa chữa các thiết bị | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu Học Long Phước | Phòng thiết bị |
| 4 | [H3-3.5-04] | Hồ sơ hội thi đồ dùng dạy học cấp trường hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 5 | [H3-3.5-05] | Sổ tự làm đồ dùng dạy học hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 6 | [H3-3.5-06] | Sổ mượn, sử dụng thiết bị dạy học tại lớp | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| 7 | [H3-3.5-07] | Biên bản kiểm tra thiết bị dạy học bị hư | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Nhân viên thiết bị | Phòng thiết bị |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Sổ đăng ký cơ bản các loại sách | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 2 | [H3-3.6-02] | Sổ lưu hóa đơn của thư viện | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 3 | [H3-3.6-03] | Kế hoạch hoạt động thư viện | Số 79/KH-THLP ngày 9/9/2015  Số 81/KH-THLP ngày 10/9/2016  Số 93/KH-THLP ngày 10/9/2017  Số 81/KH-THLP ngày 8/9/2018  Số 92/KH-THLP ngày 11/9/2019 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 4 | [H3-3.6-04] | Hồ sơ chuyên đề thư viện | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 5 | [H3-3.6-05] | Hồ sơ triển lãm sách | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 6 | [H3-3.6-06] | Các loại thư mục, mục lục thư viện | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 7 | [H3-3.6-07] | Hình ảnh hoạt động thư viện, thư viện xanh, thư viện mini lớp học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 8 | [H3-3.6-08] | Biên bản kiểm kê sách, thanh lý sách | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 9 | [H3-3.6-09] | Kế hoạch đề xuất mua sách mới hàng năm | Số 64/KH-THLP ngày 10/12/2015  Số 207/KH-THLP ngày 01/10/2016  Số 9/KH-THLP ngày 5/12/2017  Số 49/KH-THLP ngày 06/9/2018  Số 116/KH-THLP ngày 13/11/2019 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| 10 | [H3-3.6-10] | Các quyết định công nhận thư viện | -Đạt Thư viện đạt chuẩn: Số 1188/QĐ-GDĐT ngày 27/7/2015  -Đạt Thư viện tiên tiến: Số 786/QĐ-GDĐT ngày 10/5/2016  -Đạt Thư viện tiên tiến: Số 999/QĐ-GDĐT ngày 18/5/2017  -Đạt Thư viện tiên tiến: Số 899/QĐ-GDĐT-VP ngày 15/5/2018  -Đạt Thư viện tiên tiến: Số 1199/QĐ-GDĐT-VP ngày 21/5/2019 | Cán bộ thư viện | Phòng thư viện |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Biên bản họp Cha mẹ học sinh các lớp | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban Đại diện Cha mẹ học sinh các lớp | Phòng hiệu trưởng |
|  | 2 | [H4-4.1-02] | Danh sách Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường và chi hội các lớp | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban đại diện Cha mẹ học sinh Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.1-03] | Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban đại diện Cha mẹ học sinh Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 4 | [H4-4.1-04] | Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban đại diện Cha mẹ học sinh Trường Tiểu học Long Phước | Phòng hiệu trưởng |
| 5 | [H4-4.1-05] | Biên bản họp Cha mẹ học sinh của trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Ban đại diện Cha mẹ học sinh | Phòng hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Báo cáo tháng, báo cáo năm, báo cào chuyên đề về việc thực hiện các hoạt động của nhà trường cho đảng ủy phường. | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Danh sách học sinh được chăm lo | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Trường Tiểu học Long Phước | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.2-03] | Hình ảnh hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ năng khiếu | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Tổng phụ trách Đội | Phòng Đội |
| 4 | [H4-4.2-04] | Sổ truyền thống Đội | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Liên đội Trường Tiểu học Long Phước | Phòng Đội |
|  | 5 | [H4-4.2-05] | Hình ảnh phát nón bảo hiểm cho học sinh lớp 1 | Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Cán bộ pháp chế | Phòng hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch giáo dục nhà trường | Số 30/KH-CM ngày 28/9/2015  Số 44/KH- CM ngày 26/9/2016  Số 87/KH-THLP ngày 05/10/2017  Số 60/KH-THLP ngày 08/10/2018  Số 106/KH-THLP ngày 09/10/2019 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.2-02] | Quyết định công nhận giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.2-03] | Sổ dự giờ của giáo viên | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Giáo viên chủ nhiệm | Phòng phó hiệu trưởng |
| 4 | [H5-5.2-04] | Sổ kiểm tra chuyên môn giáo viên | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 5 | [H5-5.2-05] | Biên bản bàn giao học sinh hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 6 | [H5-5.2-06] | Vở học sinh | Năm học 2020-2021 | Giáo viên | Phòng học |
| 7 | [H5-5.2-07] | Hồ sơ phụ đạo, bồi dưỡng học sinh của phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| 8 | [H5-5.2-08] | Sổ liên lạc điện tử | Năm học 2020-2021 | Văn thư | Phòng văn thư |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Hồ sơ dạy kĩ năng sống | Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Danh sách học sinh hoàn thành chương trình lớp học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 2 | [H5-5.4-02] | Danh sách học sinh hoàn thành chương trình tiểu học | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | [H5-5.5-01] | Danh sách học sinh kiểm tra lại hàng năm | Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |